

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2017/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 7 - 2017

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Chung và ông Nguyễn Trọng Lâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Luật – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Phú xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 204/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2017 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2017/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trịnh Ngọc C – sinh năm: 1970.

HKTT: Thôn Phú An, xã ĐH, huyện MĐ, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở: Số nhà 87, đường TĐT, phường HT, quận TP, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Chị Hàn Thị Thanh P – sinh năm: 1975.

HKTT: Tổ 6, ấp 7, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

(Anh C có mặt, chị P có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2017, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trịnh Ngọc C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hàn Thị Thanh P tự nguyện tìm hiểu yêu thương rồi tiến tới chung sống với nhau vào năm 1994, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình của anh chị không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Do đó, anh chị thường xuyên cãi vã, căng thẳng nhau. Từ năm 2010 cho đến nay, anh và chị P sống ly thân nhau. Trong thời gian ly thân anh chị không quan tâm đến nhau nữa. Do tình cảm không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Hàn Thị Thanh P.

Về con chung: Anh và chị P có 02 con chung là Trịnh Thị Ngọc D – sinh ngày 16/6/1996 và Trịnh Thị Ngọc D1 – sinh ngày 14/5/1997. Hiện tại các con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án chị Hàn Thị Thanh P trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trịnh Ngọc C tự nguyện tìm hiểu yêu thương rồi tiến tới chung sống với nhau vào năm 1994, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung của anh chị hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Do đó, cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Từ đầu năm 2011, chị và anh C sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh chị không quan tâm đến nhau. Nay anh C yêu cầu ly hôn, nghĩ cuộc sống không còn hạnh phúc nên chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Trịnh Thị Ngọc D – sinh ngày 16/6/1996 và Trịnh Thị Ngọc D1 – sinh ngày 14/5/1997.

Hiện tại các con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Do ở xa nên chị yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm theo quy định.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không C nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Trịnh Ngọc C và chị Hàn Thị Thanh P là vợ chồng.

+ Về con chung: Anh C và chị P có 02 con chung là Trịnh Thị Ngọc D – sinh ngày 16/6/1996 và Trịnh Thị Ngọc D1 – sinh ngày 14/5/1997. Hiện tại các con của anh chị đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên anh không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh C và chị P kê khai không có.

+ Về án phí: Anh C phải nộp 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh C đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Đơn khởi kiện; Chứng minh nhân dân của các đương sự (đã đối chiếu bản chính); Sổ hộ khẩu của các đương sự (bản sao); Đơn xin xác nhận không đăng ký kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh của các con (bản sao). Bản photo các tài liệu, chứng cứ này nguyên đơn đã gửi cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn anh Trịnh Ngọc C khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Hàn Thị Thanh P. Chị P hiện đang cư trú tại huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Chị Hàn Thị Thanh P là bị đơn trong vụ án và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh C và chị P được xác lập vào năm 1994 là do tự nguyện, hai bên đều kê khai không đăng ký kết hôn. Qua chứng cứ thể hiện lời khai của anh chị là chính xác. UBND địa phương không cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh chị nên hôn nhân của anh chị là không hợp pháp.

Do hôn nhân của anh C và chị P không hợp pháp vì vậy khi có yêu cầu giải quyết ly hôn thì căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 Tòa án mở phiên tòa xét xử để tuyên bố không C nhận anh Trịnh Ngọc C và chị Hàn Thị Thanh P là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh C và chị P trình bày có 02 con chung là Trịnh Thị Ngọc D – sinh ngày 16/6/1996 và Trịnh Thị Ngọc D1 – sinh ngày 14/5/1997. Hiện tại 02 con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên anh C và chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh C và chị P kê khai không có. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Trịnh Ngọc C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 14, 51, 53 của Luật Hôn nhân Gia đình;

- Nghị quyết số 35/2000/NQ - QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn thi thành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố: Không C nhận anh Trịnh Ngọc C và chị Hàn Thị Thanh P là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh C và chị P có 02 con chung tên là Trịnh Thị Ngọc D – sinh ngày: 16/6/1996 và Trịnh Thị Ngọc D1 – sinh ngày: 14/5/1997.

Hiện tại 02 con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh C và chị P khai báo không có.

4. Về án phí: Anh Trịnh Ngọc C phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) anh C đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 005798 ngày 09/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

Anh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện TP;
- Chi cục THA huyện TP;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nam